

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo : Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm)
Mã số : 7420201
Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Trình độ đào tạo : Đại học

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (tên tiếng anh là Dong Nai Technology University) thành lập theo Quyết định số 929/QĐ- TTg ngày 16/6/2011 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai (thành lập ngày 3/10/2005) có trụ sở tại Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo.

Qua hơn 18 năm thành lập và phát triển, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai lớn mạnh, cơ sở vật chất hiện đại cùng những tiện ích học tập tiêu chuẩn quốc tế, gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá.... Với các trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt phục vụ tốt cho công tác đào tạo, giảng dạy và học tập của Nhà trường. Cơ sở vật chất cùng trang thiết bị hiện đại tạo thành điểm nhấn, lan tỏa tích cực trong cộng đồng sinh viên.

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đào tạo bậc đại học, Cao học và Tiến sĩ hệ chính quy tập trung. Tính đến tháng 20 tháng 11 năm 2023, Trường có 5981 sinh viên đang theo học tại 09 khoa, 16 ngành đại học và 69 học viên sau đại học. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một trường đại học đa ngành, 16 ngành đại học được tổ chức thành 04 nhóm ngành (Công nghệ - Kỹ thuật, Khoa học sức khỏe; Kinh doanh quản lý và Nhân văn); 02 ngành thạc sĩ và 01 ngành tiến sĩ. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã có 09 khoá tốt nghiệp bậc đại học. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà Trường có 01 Giáo sư, 16 Phó Giáo sư, 65 Tiến sĩ và 226 Thạc sĩ, trong đó nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo bài bản, dài hạn ở các nước phát triển. Với Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2035, Nhà trường tự tin đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy 95% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó có 87% số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành (đợt khảo sát tháng 11/2022). Những con số trên phản ánh trung thực năng lực đào tạo của Nhà trường trong việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Về cơ cấu tổ chức: gồm 09 khoa đào tạo chuyên ngành gồm (Khoa Kinh tế - Quản trị; Khoa Kế toán - Tài chính; Khoa Công nghệ; Khoa Kỹ thuật; Khoa Khoa học sức khỏe; Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Truyền thông và Thiết kế và Khoa Khoa học cơ bản), 09 phòng chức năng (Phòng Đại học, Phòng Sau đại học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán,; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên và Phòng Quản trị thiết bị), 02 Trung tâm (Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và Cựu người học) và 01 Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

Về kiểm định chất lượng: Trải qua 12 năm hình thành và phát triển ở môi trường đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã khẳng định được thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục Việt Nam. Tháng 6/2018, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được công nhận đạt “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia” ở lần kiểm định cơ sở giáo dục đầu tiên; tháng 8/2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Trường có 11 chương trình được công nhận đạt kiểm định chất lượng quốc gia vào năm 2019, 2020, 2021 (ngành Công nghệ thực phẩm;

ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; ngành Công nghệ thông tin; ngành Kế toán; ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Tài chính – Ngân hàng; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Quản trị kinh doanh; ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ).

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở của Trường đặt tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyến, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích xây dựng hiện hữu là 34.024 m², gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe,... Môi trường học tập khang trang, hiện đại với môi trường sinh thái xanh, tuyệt đẹp là niềm tự hào của sinh viên trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- Ký túc xá: Ký túc xá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009 (giai đoạn còn là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai), nằm trong khuôn viên Nhà trường, thuận tiện việc học tập, sinh hoạt vui chơi thể thao. Có 05 tầng (Trệt, 2, 3, 4, 5) 80 phòng và 560 chỗ ở với tổng diện tích sàn: 5181m². Tầng trệt là canteen, gần nhà để xe, Trung tâm thể thao, cách Trung tâm Thư viện 50m. Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên: phủ sóng mạng wifi, canteen, các khu vực cung cấp nước nóng miễn phí, nhà để xe. Ký túc xá ưu tiên

cho sinh viên các tỉnh về học tập, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Sinh viên có thể đăng ký chỗ ở ký túc xá ngay trong ngày làm thủ tục nhập học đầu khóa.

- Hội trường, phòng học, thư viện: Hội trường của Trường có sức chứa 600 chỗ và các phòng học lớn trên 200 chỗ (01 phòng), Phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (10 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- Phòng thực hành và thí nghiệm: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có 40 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

+ Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh (Phòng thực hành Nhà hàng khách sạn và Phòng kinh doanh).

+ Phòng cabin sử dụng thi tiếng anh và 15 phòng học tiếng anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

+ Phòng thí nghiệm của ngành Môi trường, Hóa học và Công nghệ Sinh học (05 phòng): với rất nhiều thiết bị như: Bếp hồng ngoại, bộ lọc chân không, cân phân tích, cân kỹ thuật, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy BOD, máy bơm định lượng, máy DO, máy đo độ dẫn điện, máy đo độ ồn, máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí, máy khuấy từ gia nhiệt, máy li tâm, máy đo pH, máy quang phổ, máy so màu, máy chưng cất nước, máy đo vi khí hậu, máy lọc CO₂, thiết bị đốt nóng mẫu, tủ sấy, tủ ẩm, máy votex, máy ly tâm, máy đo tiếng ồn, máy rửa siêu âm, tủ hút khí độc, tủ cấy vi sinh, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chưng cất mẫu, máy khuấy, máy li tâm, máy điện di, máy chạy PCR, máy lắc, kính hiển vi, máy đo OD, máy sấy thăng hoa, tủ sấy, tủ ủ, máy phá đạm, máy đo UV-Vis....,

+ Phòng thí nghiệm Khối ngành sức khỏe: Ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (04 phòng): gồm các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho người bệnh, mô hình, đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu và phân tích mẫu phục vụ xét nghiệm y học.

+ Xưởng thực hành cơ khí - ô tô (khu thực hành nhà F): 06 phòng.

+ Phòng thực tế ảo Innovation Lab (khu thực hành nhà F): 02 phòng.

+ Phòng Lab tin học: 03 phòng.

+ Phòng thực hành studio: 01 phòng.

- Trung tâm Thông tin - Thư viện: được thiết kế một tòa nhà 2 tầng, Nhà C có diện tích sử dụng 3.123 m² bao gồm:

+ Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ Về nguồn tài liệu: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com): với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

+ Hợp tác liên thư viện: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

- **Phần mềm quản lý:** Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

1.2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

- ❖ *Đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) tại địa phương.*

Sau hơn nửa thế kỷ phát triển công nghiệp, Đồng Nai đã xếp vào Top 6 tỉnh, thành dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế, thu ngân sách, thu hút đầu tư nước ngoài (FDI). Đồng Nai được xem là một trong những nơi đầu tiên về phát triển công nghiệp của Việt Nam. Theo quy hoạch, Đồng Nai có gần 39 khu công nghiệp (KCN) và 27 cụm công nghiệp. Hiện có 32 khu công nghiệp được thành lập và 31 KCN đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy gần 86%. Các KCN thu hút hơn 2 ngàn dự án của doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và vốn FDI.

Cùng với định hướng phát triển của cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, ngành Công nghệ sinh học cũng nằm trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ từ nay cho đến năm 2030, đặc biệt chú trọng đến vấn đề chăm sóc sức khỏe Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe được coi là chìa khóa công nghệ để phát triển kinh tế xã hội trong tương lai.

Xuất phát từ thực tế trên Khoa Công nghệ, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đề xuất Ban giám hiệu xem xét phê duyệt chủ trương cho khoa được mở mã ngành đào tạo mới, ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) trình độ đại học để đáp ứng yêu cầu hiện nay trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, góp phần nâng cao số lượng cán bộ chuyên môn để phù hợp xu hướng phát triển của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

- ❖ *Đáp ứng nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) tại Việt Nam và trên Thế giới.*

a) Đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) tại Việt Nam.

Theo thống kê của Viện chiến lược và chương trình Giáo dục thuộc Bộ GD&ĐT đến năm 2025 Việt Nam cần ít nhất 25000 lao động chất lượng cao và chuyên sâu trong lĩnh vực này. Ở Việt Nam, chúng ta chứng kiến sự phát triển mạnh của thị trường thẩm mỹ (phẫu thuật thẩm mỹ, ứng dụng mỹ phẩm trong chăm sóc da, tóc, móng) trong những năm gần đây thông qua việc tăng số lượng và chất lượng các Thẩm mỹ viện, Beauty center, Skin center, Wellness Center, Salon Beauty, ... Riêng đối với Spa, từ năm 2019 là thời điểm bùng nổ với khoảng 2000 Spa hình thành mới để đáp ứng nhu cầu làm đẹp. Đồng thời nguồn nhân lực đã qua đào tạo chuyên môn cao cần thiết cho ngành này là rất lớn.

Đối với phẫu thuật thẩm mỹ, thông thường người hành nghề là đội ngũ các bác sĩ tốt nghiệp bậc đại học ngành y, có tay nghề phẫu thuật, được Sở y tế địa phương quản

lý. Ngược lại, đối với lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, chế tạo mỹ phẩm một cách chuyên nghiệp bậc đại học thì chưa có người tốt nghiệp. Người ứng dụng mỹ phẩm chủ yếu tồn tại ở các bậc gồm sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề nên sự am hiểu của họ về mỹ phẩm chưa chuẩn mực, còn rất nhiều hạn chế. Vì vậy, việc mở ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) là điều cần thiết.

b) Đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) trên thế giới.

Khái niệm thẩm mỹ bao gồm việc làm đẹp thông qua phẫu thuật, mỹ phẩm (da, tóc, móng) và thực phẩm chức năng hỗ trợ chăm sóc thẩm mỹ. Để có bức tranh tổng thể cho ngành thẩm mỹ nói chung phần này sẽ phân tích thị trường phẫu thuật thẩm mỹ và thị trường mỹ phẩm để có sự so sánh nhất định.

Phân tích thị trường phẫu thuật thẩm mỹ

Một báo cáo phân tích vào tháng 07 năm 2017 cho thấy thị trường phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ toàn cầu đạt 26,3 tỉ USD năm 2016 và có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR – Compounded annual growth rate) ở mức 5,9%. Trong đó, tỉ lệ nhu cầu phẫu thuật cao nhất ở Nam Mỹ, Châu Âu và Châu Á Thái Bình Dương. Nằm ngoài dự đoán, thị trường này tăng đột biến khi một báo cáo phân tích trong tháng 04 năm 2020 cho thấy thị trường phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ toàn cầu đạt 50,67 tỉ USD năm 2018 (tăng gần gấp đôi sau 2 năm từ 2016 – 2018) và sẽ tăng chậm lại lên 66,96 tỉ USD ở năm 2026 với CAGR ở mức 3,6%.

Phân tích thị trường mỹ phẩm

Một báo cáo vào tháng 03 năm 2019 cho thấy, thị trường mỹ phẩm toàn cầu đạt trị giá 134.8 tỉ USD trong năm 2018 và CAGR ở mức 4,4% từ 2019 – 2025. Một báo cáo khác vào tháng 09 năm 2020, do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thị trường mỹ phẩm toàn cầu ước tính đạt 145,4 tỉ USD và đạt mốc 185,5 tỉ USD vào năm 2027 với CAGR ở mức 3.6%. Trong đó, chống lão hóa (anti-aging) được ước tính có CAGR 3,8% và đạt 51,8 tỉ USD vào cuối chu kỳ, trắng sáng da chỉ đạt CAGR 2,5%. Một số thị trường lớn cũng được phân tích trong báo cáo này. Ở Mỹ, thị trường mỹ phẩm đạt 39,2 tỉ USD năm 2020. Trung Quốc dự báo đạt 38,9 tỉ USD năm 2027 với CAGR ở mức 6,5% trong suốt giai đoạn 2020 – 2027. Trong khi đó, thị trường Nhật, Canada và Đức có CAGR khiêm tốn lần lượt là 1%, 2.7% và 1.8%.

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, mỹ phẩm có thị trường lớn khoảng 3 lần so với thị trường phẫu thuật thẩm mỹ. Do đó, việc mở ngành đào tạo Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

1.2.2. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo:

Với sứ mệnh “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững” của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, việc mở ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của nhà trường. Mở ngành Công nghệ sinh học chuyên ngành Công nghệ thực phẩm góp phần xây dựng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đúng với tiêu chí:

(1) Trường Đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học, công nghệ và kỹ thuật.

(2) Trường Đại học định hướng ứng dụng.

(3) Trung tâm nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và phục vụ cộng đồng.

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) :

Theo kết quả khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) cho thấy nhu cầu là khá lớn. Cụ thể, trong thời gian từ tháng 10/08/2023 đến tháng 20/09/2023 khoa đã tiến hành Khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) từ các đối tượng là các bên liên quan đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ Đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) bao gồm: Nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên của Khoa Công nghệ, chuyên gia lành nghề trong lĩnh vực Công nghệ sinh học thu được 115 phiếu với kết quả như sau:

TT	Nội dung	Ý kiến nhà tuyển dụng (Doanh nghiệp)	Ý kiến cựu sinh viên/ chuyên gia lành nghề
1	Ủng hộ Nhà trường đào tạo Ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm)	Ủng hộ hoàn toàn 88%	91%
2	Mức độ quan tâm của CTĐT Ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm)	Rất quan tâm, quan tâm 96%	92%
3	Sự cần thiết	Rất cần thiết 76,5%	73,8%

		Cần thiết	18.5%	22,8%
		Không cần	5%	4,4%
4	Nhu cầu đào tạo	SL/1 DN	1-2 (nhiều nhất 3)	0-4
		Nhu cầu ngày, càng sớm càng tốt và thời gian tới	78%	72%
		Năm 2022,2023	80%	79%
		Sau 2024	20%	19%
		Đang cân nhắc	-	28%
5	Mục đích học Ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm)	Nâng cao trình độ, đáp ứng công việc	-	100%

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành

Khoa Công nghệ được lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHCNĐN ngày 01/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường trên cơ sở tách từ Khoa Sức khỏe – Thực phẩm. Hiện nay, Khoa Công nghệ đang đào tạo 04 ngành ở bậc đại học.

Cơ cấu tổ chức của khoa Công nghệ bao gồm Ban Lãnh đạo khoa và 04 bộ môn: Bộ môn Công nghệ Thực phẩm, Bộ môn Công nghệ Hóa học, Bộ môn Công nghệ Sinh học, Bộ môn Môi trường và phát triển bền vững. Cùng với hoạt động đào tạo, Khoa Công nghệ thông tin cũng rất quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) phục vụ hoạt động đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong thời gian qua, các giảng viên trong Khoa đã tích cực tham dự nhiều hội thảo khoa học trong và ngoài nước, thực hiện nhiều đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp tỉnh và xuất bản nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

2.1. Đội ngũ:

- Đội ngũ Giảng viên đáp ứng giảng dạy Chương trình đào tạo (46 giảng viên)

2.2 Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	8.334	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	710	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	260	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37	2.930	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.111	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	93	Các học phần cần sử dụng máy tính, kết nối mạng và âm thanh	Cả năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	1.230		Cả năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.123		Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	39	12.125	Các học phần thực hành	Cả năm	

2.2.2 Thư viện

- Diện tích thư viện: 3.123 m² Diện tích phòng đọc: 417 m²
- Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 19
- Phần mềm quản lý thư viện: 01
- Thư viện điện tử: 01
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước: 01 CSDL
- Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu quốc tế (hoặc dự kiến): 02 CSDL
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 10.337 đầu tài liệu

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học quốc gia TP.HCM 2017		Hóa đại cương	HH70028	2	Thư viện có

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
2	Hóa học đại cương	Nguyễn Đức Chung	NXB Đại Học Quốc Gia Tp.HCM 2014					Thư viện có
3	General Chemistry	Darrell Ebbing	Cengage Learning 2016					Sử dụng sách điện tử
4	Hóa học đại cương: Giáo trình giảng dạy	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	Đại học công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh 2017					Thư viện không có
5	Hóa đại cương	Nguyễn Đình Soa	Đại học Quốc gia TP.HCM 2017					
6	Laboralory manual for general chemistry	Hà Thanh Toàn	Can Tho University publishing house 2019		Thực hành hóa đại cương	HH7004	3	
7	Thực hành hóa đại cương	Nguyễn Văn Đạt	NXB đại học Cần Thơ 2019					
8	Introduction to Cosmetic Formulation and Technology	Gabriella Baki	Wiley 2015					Sử dụng sách điện tử 2015
9	Cosmetic Science and Technology: Theoretical Principles and Applications	Kazutami Sakamoto, Robert Lochhead	NXB Elsevier 2017		Nhập môn công nghệ thẩm mỹ	TM70001	1	Sử dụng sách điện tử
10	Cosmetic Formulation	Heather A.E. Benson, Heather Benson, et al.	CRC Press 2021					Thư viện không có
11	Cosmetic formulation: Principles and Practice	Heather AE Benson et al	CRC Press 2019		Công thức và nguyên liệu thẩm mỹ	TM70002	1	Sử dụng sách điện tử
12	Human Biology	Phil Bradfield, Steve Potter	Pearson Education Ltd 2017		Sinh lí người	TM70003	2	Sử dụng sách điện tử

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
13	Pathology and Biology of Human Germ Cell Tumors.	Francisco F. Nogales, Rafael E. Jimenez	Springer-Verlag 2017					Sử dụng sách điện tử
14	Human Biology. Part 1	Nathaniel Howard	OpenStax Resources 2018					Thư viện không có
15	Cosmetic formulation: Principles and Practice	Heather AE Benson et al	CRC Press 2019		Thực hành công thức và nguyên liệu mỹ phẩm	TM700 04	2	Sử dụng sách điện tử
16	Cosmetic Formulation	Heather A.E. Benson, Heather Benson, et al.	CRC Press 2021					Thư viện không có
17	Sinh học đại cương tập 1: Sinh học tế bào cơ sở di truyền học và học thuyết tiến hóa	Nguyễn Đức Lượng	NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2010		Sinh học đại cương	TM700 05	2	Thư viện có 2014
18	Molecular Biology of the Cell	Bruce Alberts, Rebecca Heald, Alexander Johnson, David Morgan	W. W. Norton & Company 2014					Có sách điện tử có NXB 2014
19	Laboratory Methods in Microbiology and Molecular Biology	Richa Salwan, Vivek Sharma	Elsevier Science 2023					Thư viện không có
20	Slide bài giảng	Bộ môn Công Nghệ Thực Phẩm	2023					Thư viện không có
21	Sinh học đại cương- Tập 2, Sinh học thực vật - sinh học động vật và hệ sinh thái	Nguyễn Đức Lượng	NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2005					Thư viện có 2010
22	Sinh học đại cương và di truyền	Nguyễn Thị Thu Hằng	Đại Học Công Nghệ Đồng Nai 2017					Thư viện có

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
23	From Herbs to Healing Pharmacognosy Phytochemistry – Phytotherapy – Biotechnology	Éva Szőke	Company Springer Nature Switzerland AG 2023		Dược liệu học	TM700 06	2	Sử dụng sách điện tử
24	Thực vật dược	Trương Thị Đẹp	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2011					Thu viện có 2011
25	Molecular Pharmacognosy	Lu-qi Huang	Springer Nature Singapore Pte Ltd. and Shanghai Scientific and Technical Publishers 2019					Sử dụng sách điện tử
26	Therapeutic Use of Medicinal Plants and Their Extracts: Pharmacognosy	B. Sc. and M. Sc. Students	Springer International Publishing 2017					Sử dụng sách điện tử
27	Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM 2019		Hóa hữu cơ	H7002 9	3	
28	Bài tập Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM 2019					
29	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Trần Thị Việt Hoa	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM					
30	Giáo trình BT Hóa học hữu cơ	Ngô Thị Thuận	NXB KHKT 2006					
31	Organic Chemistry	Graham Patrick	OUP Oxford 2017					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
32	Slide bài giảng	TS. Trần Thanh Đại	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai 2023					Tài liệu lưu hành nội bộ
33	Latina Facial Skincare: Beautiful and Healthy Skin Guide: Practical Tips and Advice	Catalina Charpentier B	Artemix Beauty 2023		Kỹ thuật ứng dụng mỹ phẩm cơ bản trong chăm sóc thẩm mỹ	TM700 06	3	
34	Skincare Decoded: The Practical Guide to Beautiful Skin	Victoria Fu and Gloria Lu	Weldon Owen 2021					
35	The Skincare Bible: Your No-Nonsense Guide to Great Skin	Anjali Mahto	Penguin Life 2018					
36	It's Not Just Acne: Boost Immunity, Beat Acne - Break Through to Clearer Skin & A Healthier You!	Dr. Shayna E. Peter	Well Ahead Chicago 2021					
37	Thực hành sinh học đại cương	Tài liệu nội bộ	Đại học Công Nghệ Đồng Nai 2023		Thực hành sinh học đại cương	TM700 07	3	
38	Sinh học đại cương tập 1: Sinh học tế bào cơ sở di truyền học và học thuyết tiến hóa	Nguyễn Đức Lượng	NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM 2010					
39	Molecular Biology of the Cell	Bruce Alberts, Rebecca Heald, Alexander Johnson, David Morgan	W. W. Norton & Company 2022					
40	Laboratory Methods in Microbiology and Molecular Biology	Richa Salwan, Vivek Sharma	Elsevier Science 2023					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
41	Hoá Sinh Học	Phạm Thị Trân Châu	NXB Giáo Dục Hà Nội 2016		Sinh hóa	TM700 08	3	
42	Lelninger Principles of Biochemistry.	David L. Nelson, Michael M.	W. H. Freeman 2021					
43	Vì khuẩn Y học	Đại học Y dược TP. HCM	NXB Y học, 2020		Thực hành sinh lí người	TM700 09	4	
44	Ký sinh trùng Y Học	Trần Xuân Mai	NXB Y học, 2015					
45	Microbiology	Dave Wessner, Christine Dupont, Trevor Charles, Josh Neufeld	Wiley, 2017					
46	Emulsions: Formation, Stability, Industrial Applications	Tharwat F. Tadros	De Gruyter 2016		Khoa học về nhũ hóa	TM700 10	4	
47	Giáo Trình Hóa keo	Nguyễn Tuyên, Nguyễn Thị Vương Hoàn, Nguyễn Phi Hùng, Giáo Trình Hóa keo	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2015					
48	Giáo trình Hóa học hợp chất thiên nhiên	Tôn Nữ Liên Hương	NXB ĐHCT 2017		Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	TM700 11	4	
49	Analysis of Biological Frontiers	Onuoha S.C., Agburum G. C., Bibiane Aimée Wandji, Tarig H. A. Bilal	Cari Journals And Books Publishers 2023					
50	The Big Book of Terps: Understanding Terpenes, Flavonoids, and Synergy in Cannabis	Russ Hudson	Russ Hudson; Edition P ed. (November 1, 2022) 2022					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
51	Flavonoids and Their Disease Prevention and Treatment Potential	H P Vasantha Rupasinghe	Mdpi AG (March 29, 2021) 2021					
52	Cosmetic Product Testing Notes: Note all your testing and product information for making cosmetic products	LHF Publishing	Independently published 2023					
53	Cosmetic Formulation	Heather A.E. Benson, Heather Benson , Michael S. Roberts	CRC Press; 1st edition 2021		Kiểm nghiệm mỹ phẩm	TM700 12	4	
54	An Overview of FDA Regulated Products: From Drugs and Cosmetics to Food and Tobacco	Eunjoo Pacifici, Susan Bain	Academic Press 2018					
55	Cosmetic Microbiology	Philip A. Geis	CRC Press 2020					
56	The Basics of Molecular Biology	Alexander Vologodskii	Springer 2023					
57	College Level Molecular Biology	AudioLearn Content Team, Kevin Charles, AudioLearn	AudioLearn 2020		Sinh học phân tử	TM700 13	4	
58	Molecular & Cell Biology For Dummies	Rene Fester Kratz	For Dummies 2020					
59	Molecular Biology of the Cell	Bruce Alberts, Alexander Johnson, Julian Lewis	Garland Science 2014					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
60	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	PGS.TS. Nguyễn Văn Hân	NXB Y học 2022		Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	TM700 14	5	
61	Dược liệu	Nguyễn Huy Công	NXB Y học 2005					
62	Medicinal Plants Properties, Uses and Production	Deepak Kumar Semwal	Nova Science Publishers 2021					
63	Therapeutic Use of Medicinal Plants and Their Extracts: Volume 2 Phytochemistry and Bioactive Compounds	A.N.M. Alamgir	Springer International Publishing 2018					
64	Slide bài giảng	Bộ môn Công Nghệ Thẩm Mỹ	2024					Tài liệu lưu hành nội bộ
65	The Skin: Structure, Biochemistry, Function and Testing for Cosmetic Formulators	Roger L McMullen, Randall R Wickett	Chemical Publishing Company 2016		Khoa học về da	TM700 15	5	
66	Chăm sóc thẩm mỹ da Kiến thức chăm sóc da nền tảng và khoa học	Bác sĩ Dương Minh Hùng	NXB Văn Hoá Nghệ Thuật 2020					
67	Skin, Hair and Nails Structure and Function	Bo Forslind, Robert E. Albano	Elsevier Science 2014					
68	Anatomy and Physiology : The Skin and Its Tissues	Rumi Michael Leigh	Rumi Michael Leigh 2018					
69	Dermatology	Fred Fanning	Independently Published 2020					
70	Slide bài giảng	Bộ môn Công Nghệ Sinh Học	2024					Tài liệu lưu hành nội bộ

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
71	Thực hành tách chiết hợp chất thiên nhiên	Tôn Nữ Liên Hương	Đại học Cần Thơ 2015		Thực hành chiết xuất dược liệu	TM700 16	6	
72	Green Extraction of Natural Products	Theory and Practice	Wiley2016					
73	Tài liệu phòng thí nghiệm hóa học	Lành Thị Ngọc , Nguyễn Thị Thủy , Nguyễn Thị Mai , Trần Thị Thùy Dương , Nguyễn Thị Hoa	Đại học Thái nguyên 2022					
74	Extraction Strategies to Recover Bioactive Compounds, Incorporation Into Food and Health Benefits	Eulogio Castro	Mdpi AG2020					
75	Handbook of Cosmetic Science and Technology	Frank Dreher	CRC Press; 5th edition 2022		Công nghệ sản xuất mỹ phẩm thực phẩm	TM700 17	6	
76	The Skin Care Route to Perfect Skin: The Fundamental 9-Step Guide to Building the Perfect Day & Night Skincare Routine For You	Laurel Brooks	Taylor & Francis group 2021					
77	Harry's Cosmeticology 9th Edition 3 Volume Set	Meyer R. Rosen	Chemical Publishing Company 2015					
78	Skin Care	Amanda Candle	Starfelvia Limited 2020					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
79	The Skincare Bible: Your No-Nonsense Guide to Great Skin	Anjali Mahto	Penguin Life 2018		Kỹ thuật ứng dụng mỹ phẩm nâng cao trong chăm sóc thẩm mỹ	TM700 18	6	
80	Skincare Decoded: The Practical Guide to Beautiful Skin	Victoria Fu and Gloria Lu	Weldon Owen 2021					
81	Latina Facial Skincare: Beautiful and Healthy Skin Guide: Practical Tips and Advice	Catalina Charpentier B	Artemix Beauty 2023					
82	It's Not Just Acne: Boost Immunity, Beat Acne - Break Through to Clearer Skin & A Healthier You!	Dr. Shayna E. Peter	Well Ahead Chicago 2021					
83	Skin Microbiome Handbook: From Basic Research to Product Development	Nava Dayan	Wiley-Scrivener 2020		Nghiên cứu và phát triển mỹ phẩm	TM700 19	6	
84	Project Management for Research and Development: Guiding Innovation for Positive R&D Outcomes	Lory Mitchell Wingate	Auerbach Publications 2014					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
85	International Community Development Practice	Charlie McConnell	Routledge 2021					
86	The Project in International Development (Rethinking Development)	Caitlin Scott	Routledge 2023					
87	Practical Aspects of Cosmetic Testing: How to Set up a Scientific Study in Skin Physiology, 2nd edition	Joachim W. Fluhr	Springer 2020					
88	Practical Aspects of Cosmetic Testing: How to Set up a Scientific Study in Skin Physiology, 2nd edition	Joachim W. Fluhr	Springer 2020		Thử nghiệm mỹ phẩm	TM700 20	6	
89	Cosmetic Surgery: Principles and Practice	Jeffrey A. Klein, Richard A. Swift và David T. Matarasso	2022 CRC Press					
90	Practical Aspects of Cosmetic Testing: How to Set up a Scientific Study in Skin Physiology, 2nd edition	Joachim W. Fluhr	Springer 2020		Thực hành kiểm nghiệm mỹ phẩm	TM700 21	6	
91	Cosmetic Surgery: Principles and Practice	Jeffrey A. Klein, Richard A. Swift và David T. Matarasso	CRC Press 2022					
92	Fundamentals of Cosmetic Science	Howard I. Maibach và Howard C. Maibach	Taylor & Francis 2023					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
93	Cosmetic Surgery: Principles and Practice	Jeffrey A. Klein, Richard A. Swift và David T. Matarasso	2022CRC Press					
94	Dermatological and Transdermal Formulations	Kenneth A. Walters	Informa Healthcare 2002		Phân phối hoạt chất tự nhiên qua da	TM700 22	6	
95	Microneedles for Transdermal Drug Delivery	Jaspreet Singh Kochhar, Justin J. Y. Tan, Yee Chin Kwang, Lifeng Kang	Springer 2019					
96	Transdermal Drug Delivery: Concepts and Application	Kevin Ita	Academic Press 2020					
97	Topical and Transdermal Drug Delivery Systems: Applications and Future Prospects	Nayan A. Gujarathi, Juliana Palma Abriata, Raj Kumar Keservani, Anil K. Sharma	CRC Press 2023					
98	Practical Aspects of Cosmetic Testing: How to Set up a Scientific Study in Skin Physiology, 2nd edition	Joachim W. Fluhr	Springer 2020		Thực hành thử nghiệm mỹ phẩm	TM700 23	6	
99	Fundamentals of Cosmetic Science	Howard I. Maibach và Howard C. Maibach	Taylor & Francis 2023					
100	Cosmetic Surgery: Principles and Practice	Jeffrey A. Klein, Richard A. Swift và David T. Matarasso	CRC Press 2022					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
101	Food, Drug, and Cosmetic Act, US: Encyclopedia of Toxicology	Robert Kapp	Elsevier 2005		Độc chất học trong mỹ phẩm	TM710 01	5	
102	Chapter 37 – Cosmetic Toxicology	Corbett, John F.	1999					
103	Độc chất học	Thái Nguyễn Hồng Thu	NXB Y Học 2021					
104	Bào chế và sinh dược học: Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học	Lê Quan Nghiệm, Huỳnh Văn Hóa đồng	Giáo Dục 2007		Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc	TM710 02	5	
105	Công nghệ bào chế dược phẩm: Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học	Bộ y tế	2007					
106	Ansel's pharmaceutical dosage forms and drug delivery systems	Allen, Loyd V. Philadelphia	Wolters Kluwer 2014					
107	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc	Trường Đại học dược Hà Nội. Bộ môn bào chế	Trường Đại học dược Hà Nội 2004					
108	Essentials in Nanoscience and Nanotechnology	Kumar N., Kumbhat S.	John Wiley & Sons 2016		Công nghệ nano trong mỹ phẩm	TM710 03	6	
109	Application of Nanotechnology in Cosmetics	Li Mu; Robert L. Sprando	2010					
110	Bio-Nanotechnology (A Revolution in Food, Biomedical and Health Sciences) Application of ã-Cyclodextrin in	Bagchi, Debasis; Bagchi, Manashi; Moriyama, Hiroyoshi; Shahidi, Fereidoon	2013					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Nanomedicinal Foods and Cosmetics							
111	Strategies in Development and Delivery of Nanotechnology Based Cosmetic Products	Ahmad U. et al.	Drug Res 2018					
112	Study of functional cosmetics based on stem cell technology	Sung Hyun Choi, Jisoo Yun & Sang Mo Kwon	Springer 2015		Công nghệ tế bào gốc trong mỹ phẩm	TM710 04	6	
113	Plant stem cells in cosmetics: current trends and future directions	Trehan S, Michniak-Kohn B, Beri K.	Future Sci OA 2017					
114	Công nghệ tế bào gốc	Phan Kim Ngọc, Phạm Văn Phúc, Trương Định	Giáo dục 2009					
115	Da liễu thẩm mỹ tập số 2 - mesotherapy và các kỹ thuật tiêm vi điểm	Nguyễn Trọng Hòa	NXB Y học 2019		Da liễu thẩm mỹ	TM710 05	6	
116	Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành Phong - Da liễu	Bộ Y tế	Nhà xuất bản Y học 2015					
117	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu	Bộ Y tế	Nhà xuất bản Y học 2023					
118	Aesthetic mesotherapy	Madherè, Shirley	Informa healthcare 2008					
119	Emergency Dermatology	Ronni W., Lawrence C. P. và Jennifer L. P.	CRC Press 2017					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
120	Miễn dịch học: Chức năng và các bất thường của hệ miễn dịch	Trần Văn Hiếu	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh 2019		Miễn dịch học	TM710 06	5	
121	Fundamental Immunology	Kuby và Ankeny	W. H. Freeman and Company 2023					
122	Immunology: A Short Course	Janeway, Travers, Walport và Shlomchik	Garland Science 2020					
123	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	Lê Thị Nguyệt Châu, Nguyễn Phan Khôi, Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Đại học Cần Thơ 2016		Sở hữu trí tuệ	TM710 07	5	
124	Sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thị Thu Hà	Hồng Đức 2023					
125	Sách tình huống (Bình luận bản án) Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam	Trường Đại học Luật TP. HCM	Hồng Đức 2019					
126	Cẩm nang sở hữu trí tuệ: Chính sách, pháp luật và áp dụng	Geneva: WIPO	WIPO 2005					
127	Guide to Good Manufacturing Practice of Cosmetic Products	Health Products regulatory Authority	Health Products regulatory Authority 2016		Thực hành trong quản lý và sản xuất mỹ phẩm	TM710 08	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
128	Cosmetic Good Manufacturing Practices	COLIPA – The European Cosmetic Toiletry and Perfumery Association,	COLIPA – The European Cosmetic Toiletry and Perfumery Association, 1994					
129	Thông tư 24/2006/QĐ-BYT về thực hành tốt sản xuất mỹ phẩm	Bộ Y Tế	2006					VBPL
130	Hương liệu mỹ phẩm	Vương Ngọc Chính	ĐH QG TPHCM 2013		Công nghệ hóa hương liệu	HH700 18	5	
131	Hương liệu và ứng dụng	Văn Ngọc Hường	NXB KH & KT 2010					
132	Perfumes and Flavours Technology Handbook with Manufacturing Formulations, Process, Machinery Equipment Details & Factory Layout	Dr. Himadri Panda	ASIA PACIFIC BUSINESS PRESS Inc. 2022					
133	Hướng dẫn thí nghiệm công nghệ hương liệu mỹ phẩm	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	Trường Đại học Nông Lâm TpHCM 2023					
134	Slide bài giảng	TS. Phạm Thị Hồng Phượng ThS. Võ Thị Diễm Kiều	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai 2024					Tài liệu lưu hành nội bộ
135	Kỹ thuật tách và tinh chế trong hoá học	Phan Đình Châu, Vũ Bình Dương	NXB Khoa Học Kỹ Thuật 2018		Phương pháp phân lập và tinh chế	HH700 22	5	
136	Phương pháp cô lập hợp chất hữu cơ	Nguyễn Kim Phi Phụng	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM 2007					
137	Giáo trình Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM 2011					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
138	Analysis and Purification Methods in Combinatorial Chemistry	Bing Yan	Wiley-Interscience 2003					
139	Các phương pháp phân tích hóa học	Phạm Luận	NXB Bách khoa Hà Nội 2018		Phương pháp phân tích hiện đại	HH700 24	6	
140	Các phương pháp phân tích công cụ trong hóa học hiện đại	Hồ Việt Quý	NXB Đại học Sư phạm 2005					
141	Giáo trình Hóa hữu cơ	Phan Thanh Sơn Nam	NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM 2011					
142	Modern Polarographic Methods in Analytical Chemistry	A. M. Bond	CRC Press 2020					
143	Công nghệ dược phẩm	Nguyễn Thanh Hải	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội 2019		Công nghệ dược	HH710 08	6	
144	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng	NXB Y học 2015					
145	Một số quá trình và thiết bị trong Công nghệ dược phẩm	Nguyễn Đình Luyện	NXB Y học 2013					
146	Pharmaceutical Extrusion Technology (Drugs and the Pharmaceutical Sciences)	Isaac Ghebre-Sellassie, Charles E. Martin, Feng Zhang.	CRC Press 2020					
147	Edible Oils Extraction, Processing, and Applications	Smain Chemat	CRC Press 2017		Chế biến dầu và chất béo	HH710 09	6	
148	Practical Guide to Vegetable Oil Processing	Monoj Gupta	Elsevier Science 2017					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
149	Edible Oil Processing	Wolf Hamm, Richard J. Hamilton and Gijs Calliauw	John Wiley & Sons 2013					
150	Bioactive Phytochemicals from Vegetable Oil and Oilseed Processing By-products	Mohamed Fawzy Ramadan Hassanien	Springer International Publishing 2023					
151	Giáo trình hóa học các hợp chất thiên nhiên	Trần Thu Hương, Phan Minh Giang	Nhà Xuất Bản Bách Khoa Hà Nội 2017		Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HH710 10	6	
152	Giáo trình Hóa học hợp chất thiên nhiên	Tôn Nữ Liên Hương	NXB Đại học Cần Thơ 2017					
153	Giáo trình Hợp chất thiên nhiên ứng dụng trong hóa mỹ phẩm	Mai Hùng Thanh Tùng	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM 2023					
154	Organic Chemistry Unraveled: A Comprehensive Guide to Compounds, Reactions, and Synthesis	Vikash Dabriwal	Kindle Edition 2023					
155	Giáo trình hóa học các hợp chất thiên nhiên	Trần Thu Hương Phan Minh Giang	NXB Bách Khoa Hà Nội 2017		Dược chất thiên nhiên	HH710 13	6	
156	Hợp chất thiên nhiên dùng làm thuốc	Nguyễn Văn Đán	NXB Y học 1999					
157	Hóa học các hợp chất thiên nhiên tập 1	Phan Tổng Sơn Phan Minh Giang	NXB Khoa Học & Kỹ Thuật 2016					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
158	39 Most Potent Medicinal Plants & Herbs for over 100 Ailments	Rajiv Kohli, Kashmiri L. Mittal	Galicia Publishing House 2023					
159	Giáo trình Hợp chất thiên nhiên ứng dụng trong hóa mỹ phẩm	Mai Hùng Thanh Tùng	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM 2023		Mỹ phẩm thiên nhiên	HH710 15	6	
160	Hương liệu và mỹ phẩm	Vương Ngọc Chính	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM 2013					
161	Natural Cosmetic Formulation	Alice Burrell	Independently published 2022					
162	A-Z of Natural Cosmetic Formulation	Gail Francombe	Goodness & Wonder Ltd 2019					
163	Kiểm Nghiệm Dược Phẩm	Trần Tử An	Nhà xuất bản Y học 2021		Kiểm nghiệm dược và thực phẩm	HH710 16	6	
164	Kiểm Nghiệm Thực Phẩm	Thái Nguyễn Hùng Thu	Nhà xuất bản Y học 2023					
165	Liquid Chromatography in Analysis of Bioactive Compounds for Pharmaceuticals, Cosmetics, and Functional Food Interest	Jan Oszmianski	Mdpi AG 2023					
166	An Overview of FDA Regulated Products: From Drugs and Cosmetics to Food and Tobacco	Eunjoo Pacifici, Susan Bain	Academic Press 2018					

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú	
167	Formula, Ingredients and Production of Cosmetic Technology of Skin and Hair care product in Japan	Hiroshi Iwata Kunioshimada	Springer 2013		Công nghệ thẩm mỹ	TM700 26			
168	Cosmetic Science and Technology Theoretical Principles and Applications	Kazutami Sakamoto, Robert Y. Lochhead, Howard I. Maibach	Elsevier 2017						
169	Skin, Hair and Nails Structure and Function	Bo Forslind, Robert E. Albano	Elsevier Science 2014						
170	Nanocosmetic Delivery Approaches, Application Regularory Aspects	Anuradha Dey and Sunil Kumar Dubey	CRC Press Taylor and francis 2024						
171	Slide bài giảng	Bộ môn Công Nghệ Sinh Học	2024						Tài liệu lưu hành nội bộ
172	Skin Microbiome Handbook: From Basic Research to Product Development	Nava Dayan	Wiley-Scrivener 2020		Thương mại hóa sản phẩm mỹ phẩm	TM700 27	8		
173	Project Management for Research and Development: Guiding Innovation for Positive R&D Outcomes	Lory Mitchell Wingate	Auerbach Publications 2014						
174	International Community Development Practice	Charlie McConnell	Routledge 2021						

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
175	The Project in International Development (Rethinking Development)	Caitlin Scott	Routledge 2023					
176	Skincare Decoded: The Practical Guide to Beautiful Skin	Victoria Fu and Gloria Lu	Weldon Owen 2021					
177	Latina Facial Skincare: Beautiful and Healthy Skin Guide: Practical Tips and Advice	Catalina Charpentier B	Artemix Beauty 2023					
178	The Skin Care Route to Perfect Skin: The Fundamental 9-Step Guide to Building the Perfect Day & Night Skincare Routine For You	Laurel Brooks	Taylor & Francis group 2021					
179	Anatomy and Physiology : The Skin and Its Tissues	Rumi Michael Leigh	Rumi Michael Leigh 2018					
180	Dermatology	Fred Fanning	Independently Published 2020					

2.2.3 Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị		
1.	Cân phân tích	2013	1	Khoa Công Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa hữu cơ - Vi sinh, kỹ sinh trùng - Công thức và nguyên liệu mỹ phẩm - Kiểm nghiệm dược và thực phẩm - Thử nghiệm mỹ phẩm - Di truyền học - Sinh học phân tử - Công nghệ dược - Khóa luận tốt nghiệp 	
2.	Tủ hút khí độc	2014	1	Khoa Công Nghệ		
3.	Bếp điện	2016	4	Khoa Công Nghệ		
4.	Bình hút âm	2014	1	Khoa Công Nghệ		
5.	Máy cất nước	2013	1	Khoa Công Nghệ		
6.	Máy đo pH	2013	1	Khoa Công Nghệ		
7.	Tủ nung	2014	1	Khoa Công Nghệ		
8.	Tủ sấy	2016	1	Khoa Công Nghệ		
9.	Becher 100ml	2014	10	Khoa Công Nghệ		
10.	Becher 250ml	2016	10	Khoa Công Nghệ		
11.	Becher 500ml	2013	10	Khoa Công Nghệ		
12.	Buret 25ml	2023	5	Khoa Công Nghệ		
13.	Bóp cao su	2019	5	Khoa Công Nghệ		
14.	Pipet 10ml	2017	5	Khoa Công Nghệ		
15.	Pipet 5ml	2019	5	Khoa Công Nghệ		
16.	Bình tia	2019	5	Khoa Công Nghệ		
17.	Ống nhỏ giọt	2019	5	Khoa Công Nghệ		

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Ghi chú	
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị			
18.	Lò nung	2023	1	Khoa Công Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa hữu cơ - Vi sinh, ký sinh trùng - Công thức và nguyên liệu mỹ phẩm - Kiểm nghiệm dược và thực phẩm - Thử nghiệm mỹ phẩm - Di truyền học - Sinh học phân tử - Công nghệ dược - Khóa luận tốt nghiệp 		
19.	Tủ sấy	2018	1	Khoa Công Nghệ			
20.	Tủ hút khí độc.	/2018	1	Khoa Công Nghệ			
21.	Máy đo pH	2023	1	Khoa Công Nghệ			
22.	Cân điện tử 1 số lẻ	2013	1	Khoa Công Nghệ			
23.	Cân điện tử 2 số lẻ	2013	1	Khoa Công Nghệ			
24.	Thiết bị khuấy đa cấp	2013	1	Khoa Công Nghệ			
25.	Bếp điện	2013	4	Khoa Công Nghệ			
26.	Máy ly tâm	2013	1	Khoa Công Nghệ			
27.	Cân kỹ thuật	2013	1	Khoa Công Nghệ			
28.	Máy lắc ngang	2017	1	Khoa Công Nghệ			
29.	Bình hút ẩm	2012	1	Khoa Công Nghệ			
30.	Máy cất nước	2012	1	Khoa Công Nghệ			
31.	Brix kế Số	2013	1	Khoa Công Nghệ			
32.	Bộ chưng cất	2013	1	Khoa Công Nghệ			
33.	Cân kỹ thuật	2013	1	Khoa Công Nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Hóa hữu cơ - Vi sinh, ký sinh trùng 	
34.	Tủ hút	2014	1	Khoa Công Nghệ			
35.	Buồng đếm hồng cầu	2016	4	Khoa Công Nghệ			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Ghi chú	
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị			
36.	Tủ lạnh hai ngăn	2014	1	Khoa Công Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức và nguyên liệu mỹ phẩm - Kiểm nghiệm dược và thực phẩm - Thử nghiệm mỹ phẩm - Di truyền học - Sinh học phân tử - Công nghệ dược - Khóa luận tốt nghiệp 		
37.	Nồi hấp	2013	1	Khoa Công Nghệ			
38.	Kính hiển vi 2 mắt	2013	4	Khoa Công Nghệ			
39.	Bếp điện	2014	4	Khoa Công Nghệ			
40.	Tủ âm	2016	1	Khoa Công Nghệ			
41.	Máy khuấy từ gia nhiệt	2014	1	Khoa Công Nghệ			
42.	Máy cất nước	2016	1	Khoa Công Nghệ			
43.	Máy lắc ngang	2013	1	Khoa Công Nghệ			
44.	Tủ cấy vô trùng	2023	1	Khoa Công Nghệ			
45.	Micropipet 1-10 μ l	2019	1	Khoa Công Nghệ			
46.	Micropipet 10-100 μ l	2017	1	Khoa Công Nghệ			
47.	Đĩa petri	2019	1	Khoa Công Nghệ			
48.	Kẹp	2019	4	Khoa Công Nghệ			
49.	Đèn cồn	2019	4	Khoa Công Nghệ			
50.	Thiết bị Chung cất liên tục	2023	1	Khoa Công Nghệ		<ul style="list-style-type: none"> - Hóa hữu cơ - Vi sinh, ký sinh trùng 	
51.	Thiết bị Chung cất gián đoạn.	2018	1	Khoa Công Nghệ			
52.	Thiết bị hấp thụ	2018	1	Khoa Công Nghệ			
53.	Thiết bị Thời gian lưu	2023	1	Khoa Công Nghệ			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị		
54.	Thiết bị Mạch lưu chất.	2013	1	Khoa Công Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức và nguyên liệu mỹ phẩm - Kiểm nghiệm dược và thực phẩm - Thử nghiệm mỹ phẩm - Di truyền học - Sinh học phân tử - Công nghệ dược - Khóa luận tốt nghiệp 	
55.	Thiết bị bơm và ghép bơm	2013	1	Khoa Công Nghệ		
56.	Thiết bị Sấy	2013	1	Khoa Công Nghệ		
57.	Thiết bị Ống truyền nhiệt.	2013	1	Khoa Công Nghệ		
58.	Thiết bị Quạt ly tâm	2013	1	Khoa Công Nghệ		

2.2.4. Công nghệ học liệu

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

+ Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (kho tài liệu môn học), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập chung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn,... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ *Về nguồn tài liệu*: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), Giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ *Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com)*: với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình, kinh tế, văn hóa xã hội... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

+ *Hợp tác liên thư viện*: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường

Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ *Phần mềm quản lý*: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Chính sách nghiên cứu khoa học của Trường hỗ trợ tối đa cho việc đào tạo các nhà khoa học trẻ từ giảng đường, hướng tới những nghiên cứu ứng dụng liên ngành có giá trị thiết thực. Trường mong muốn hướng tới việc tạo ra một môi trường nghiên cứu tiên tiến, phát triển, và thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học tại khắp nơi trên thế giới đồng thời xây dựng lòng yêu mến khoa học công nghệ trong thế hệ trẻ của đất nước. Hơn 20% các công bố quốc tế có sự tham gia của sinh viên, chương trình nghiên cứu ngắn hạn kết hợp với các trường đại học quốc tế thuộc các nhóm ngành công nghệ phát triển và nhóm ngành kinh tế, quản trị thu hút được quan tâm của nhiều doanh nghiệp.

2.3.1 Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1.	Số: 196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 9 năm 2020, TR:2020-22/SKTC-SV	Cấp cơ sở	Ứng dụng tinh dầu bạc hà từ thiết bị chưng cất tinh dầu trong sữa rửa mặt kháng khuẩn	ThS. Lại Thị Hiền	Số:55/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 06 tháng 04 năm 2021	Tốt	Hóa đại cương Thực hành hóa đại cương	
2.	Số: 211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 11 năm 2019,	Cấp cơ sở	Tổng hợp thuốc trừ sâu sinh học	ThS. Lại Thị Hiền	Số: 129/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 22 tháng 06 năm 2020	Tốt	Trương Tấn Trung Doãn Ngọc Khôn Trần Thị Thu Thảo Vũ Xuân Thế	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	TR:2019-01/KUS								
3.	Số: 211/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 11 năm 2019, TR:2019-02/KUS	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tổng hợp nước gel rửa tay sát khuẩn DNTU-care	ThS. Nguyễn Hồng Ánh	Số: 129/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 22 tháng 06 năm 2020	Tốt	Nguyễn Hồng Ánh Lê Thanh Phong	
4.	Số: 196/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 15 tháng 9 năm 2020, TR:2020-22/SKTC-SV	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình QSAR dự báo hoạt tính kháng ung thư Hela của các dẫn xuất Flavonoid	TS. Trần Thanh Đại	Số: 36/QĐ-ĐHCNĐN	Ngày 05 tháng 04 năm 2018	Tốt	Lại Thị Hiền	
5.	TR:2019-03/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Thiết kế tủ sấy lạnh quy mô hộ gia đình	Nguyễn Thị Ngân	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNĐN	17/11/2019	Đạt	Trần Thanh Đại Trần Văn Khánh Nguyễn Ngọc Oanh Phạm Quốc Thuần Nguyễn Hữu Thành Hà Nguyễn Điền Phương Đặng Hoàng Thiên Ân	
6.	TR:2019-04/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Sữa cô đặc từ hạt	Hồ Thị Ngọc	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNĐN	17/11/2019	Đạt	TRần Thị Như Phượng	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
				Nhung	ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN				
7.	TR:2019-05/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến sữa viên nén	Hồ Thị Ngọc Nhung	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN	17/11/2019	Đạt	Nguyễn Ngọc Tú	
8.	TR:2019-06/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến bột thịt làm gia vị thức ăn dành cho đối tượng trẻ em	Nguyễn Thị Thùy Duyên	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN	17/11/2019	Đạt	Võ Thanh Tuyền	
9.	TR:2019-07/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến nước thanh long bằng phương pháp enzyme-siêu âm	Nguyễn Thị Thùy Duyên	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu	17/11/2019	Đạt	Nguyễn Xuân Anh Việt	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
					trưởng Trường ĐHCNDN				
10.	TR:2019-08/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Sản xuất thạch dừa từ nước mía	Nguyễn Thị Lê Phương	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN	17/11/2019	Đạt	Nguyễn Thế Vũ	
11.	TR:2019-09/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Chế biến nước uống lên men từ thanh long	Huỳnh Thị Thúy Loan	QĐ số 211/QĐ-ĐHCNDN ngày 15/11/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNDN	17/11/2019	Đạt	Huỳnh Thị Hải Yến	
12.	Số 48/HĐ-SKHCN ngày 27 tháng 06 năm 2022 (Từ tháng 05/2022 đến tháng 09/2024);	Đề tài cấp Tỉnh	Nghiên cứu phát triển đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm từ bưởi Da xanh	Huỳnh Thị Thúy Loan				Trần Thị Hà Trần Thanh Đại Hồ Thị Ngọc Nhung Nguyễn Thị Thùy Duyên Nguyễn Thị Ngân Nguyễn Thành Công Lại Thị Hiền	Đang thực hiện

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	DTT2020-13-A								

2.3.2 Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Ngân; Utilizing vacuum drying method to produce soursop (annona muricata) tea; Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology ISSN: 2288-6060	
2.	Nguyễn Thị Ngân, Obtaining the extract containing rich content of phenolic compounds from diep ha chau (phyllanthus amarus) grown in phu yen province for medication purposes, Tạp chí khoa học giáo dục kỹ thuật, trường đại học sư phạm kỹ thuật tp. hồ chí minh ISSN:1859-1272;	
3.	Nguyễn Thị Ngân, Vai trò của thư viện trong việc dạy và học theo phương pháp E-learning tại DNTU, Hội thảo cấp trường;	
4.	Nguyễn Thị Ngân, Nghiên cứu chế biến nước cỏ lên men từ cỏ lúa mì, Kỷ yếu HNKHSV3,	
5.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Ảnh hưởng của quá trình trích ly và cô đặc đến chất lượng sữa cô đặc từ hạt, Kỷ yếu HNKHSV3,	
6.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Effect of coconut oil on the textural of dark chocolate, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology", ISSN: 2288-6060;	
7.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất kẹo Jelly có bổ sung dịch lá và thịt quả mãng cầu xiêm, Kỷ yếu HNKHSV3	
8.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất bột gia vị tôm thịt, Kỷ yếu HNKHSV3	
9.	Bùi Thị Phương Thúy, Prediction of physicochemical property and anticancer activity of flavone and isoflavone derivatives, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology, ISSN: 2288-6060	

10.	Đào Khánh Châu, The Effect of Hydraulic Retention Times and Loading Rates on the Removal of Pollutants from Fish Processing Wastewater by Anaerobic Process, Journal of Food Science and Engineering, ISSN: 2159-5828 (Print), ISSN: 2164-5795 (Online)	
11.	Bùi Thị Phương Thúy, Xây dựng mô hình QSAR dự báo hoạt tính kháng ung thư cổ tử cung của 2 dẫn xuất Flavonoid chiết xuất từ trái nhàu, Kỷ yếu HNKHSV3	
12.	Bùi Thị Phương Thúy, Dự đoán chỉ số chất lượng nước ở sông Đồng Nai, Việt Nam bằng kỹ thuật mạng thần kinh nhân tạo, Kỷ yếu HNKHSV3	
13.	Bùi Thị Phương Thúy, Prediction anticancer activity of flavinoid derivative from plants using qsar models, Hội thảo quốc tế "Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology, ISSN: 2288-6060	
14.	Lại Thị Hiền, Hoạt tính kháng nấm Phytophthora capsici của nano ZnO, Tạp chí Hóa học, ISSN (Print): 0866-7144, ISSN (Online): 2572-8288	
15.	Võ Thị Diễm Kiều, Assessing the methylene blue adsorption capacity on rice husk ash, Tạp chí quốc tế International Journal of Advanced Engineering and Management Research, ISSN: 2456-3676	
16.	Võ Thị Diễm Kiều, Controlling carbonaceous skeleton by a multi-method study on cashew nutshells for producing activated charcoal, Tạp chí quốc tế International Journal of Advanced Engineering and Management Research, ISSN: 2456-3676	
17.	Phạm Văn Thịnh, Modeling and Optimization of the Orange Leaves Oil Extraction Process by Microwave-Assisted Hydro-Distillation: The Response Surface Method Based on the Central Composite Approach (RSM-CCD Model), rasayan journal of chemistry, ISSN: 0974-1496 (Print), ISSN: 0976-0083 (Online)	
18.	Phạm Văn Thịnh, Chemically Modified Hydroxyapatite Nanocrystals by Temperature-Responsive Poly (N-isopropylacrylamide) via Surface Initiated Radical Polymerization, asian journal of chemistry, ISSN: 0970-7077 (Print), ISSN: 0975-427X (Online)	
19.	Phạm Văn Thịnh, Production Process of Hand Sanitizer from Vietnamese Coconut Oil, ASIAN JOURNAL OF CHEMISTRY, ISSN: 0970-7077 (Print), ISSN: 0975-427X (Online)	
20.	Phạm Văn Thịnh, Simple Synthesis and Characterization of Cobalt Ferrites on Expanded Graphite by the Direct Sol-Gel Chemistry for Removal of Oil Leakage (Fuel Oil, Diesel Oil and Crude Oil), IOP Conf. SERIES: MATERIALS SCIENCE AND ENGINEERING, ISSN: 1757-8981	
21.	Phạm Văn Thịnh, Extraction of Anthocyanins from Butterfly Pea (Clitoria Ternatea L. Flowers) in Southern Vietnam: Response Surface Modeling for Optimization of the Operation Conditions, IOP Conf. SERIES: MATERIALS SCIENCE AND ENGINEERING, ISSN: 1757-8981	
22.	Đông Thị Thu Huyền, Nghiên cứu khả năng cải thiện điều kiện vi khí hậu bằng mô hình mái xanh cho các công trình mái Tole và dúc, Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756	
23.	Đông Thị Thu Huyền, Ứng dụng mô hình AIDA nhằm nâng cao kỹ năng dạy học trong môi trường học tập E-Learning tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Hội thảo cấp trường	
24.	Đông Thị Thu Huyền, Thực trạng và giải pháp việc liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai với các doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai, Hội thảo cấp trường	

25.	Trương Tấn Trung, Theoretical study interaction of (CH ₃) ₂ S with 2H ₂ O/1CO ₂ :1H ₂ O by quantum chemistry method, Tạp chí Khoa học và Đào tạo – Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ISSN: 2354-0567	
26.	Trương Tấn Trung, Xây dựng và phát triển học liệu mở nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong môi trường đào tạo E-learning, Hội thảo cấp trường	
27.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Rheological properties of dark chocolate replaced cocoa butter with coconut oil, Journal of advanced research in food science and nutrition, ISSN: 2582-3892 (Online)	
28.	Võ Thị Diễm Kiều, The optimization of Parameters for the Spray drying process of Wood apple extract using response surface methodology, International Journal of Innovative Technology and Exploring Engineering, ISSN: 2278:3075 (Online)	
29.	Trần Thanh Đại, nghiên cứu quy trình sản xuất nước gội kết hợp trích ly tinh dầu, Hội nghị cấp trường	
30.	Đông Thị Thu Huyền, Nghiên cứu tận dụng bùn thải ao nuôi cá tra làm phân hữu cơ và đánh giá hiệu quả của nó trong nông nghiệp, tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, khoa học trái đất và môi trường, ISSN 2588-1078, 28-139 (2020)	
31.	Đông Thị Thu Huyền, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải chăn nuôi sau biogas quy mô hộ gia đình khu vực đồng bằng sông cửu long bằng phương pháp hấp phụ biochar kết hợp oxy hóa bậc cao (ozon), tạp chí môi trường, ISSN 1859-042X	
32.	Đông Thị Thu Huyền, Đề xuất mô hình sản xuất canh tác tích hợp hướng tới không phát thải cho hộ chăn nuôi áp dụng điển hình cho hộ chăn nuôi bò ở khu vực bẫy núi, tạp chí phát triển khoa học và công nghệ, khoa học trái đất và môi trường, ISSN 2588-1078	
33.	Đông Thị Thu Huyền, Giới thiệu mô hình giảng dạy kỹ năng sống của trường đại học công nghệ đồng nai cho trường th&THCS Nguyễn khuyến, Hội thảo cấp trường	
34.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sản xuất mứt vỏ thanh long, Hội nghị cấp trường	
35.	Hồ Thị Ngọc Nhung, nghiên cứu ảnh hưởng của nguyên liệu đến chất lượng sản phẩm sữa đặc mè đen, Hội nghị cấp trường	
36.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nảy mầm gạo lứt đã xát vỏ trấu tăng hàm lượng GABA, Hội thảo có chỉ số ISBN: 978-604-67-1404	
37.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Đánh giá hiệu quả trích ly dịch quả thanh long bằng phương pháp lạnh đông tan giá có hỗ trợ sóng siêu âm, Hội nghị cấp trường	
38.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Tối ưu hóa quá trình siêu âm hỗ trợ thẩm thấu và sấy chân không đến chất lượng xoài sấy dẻo, Hội nghị cấp trường	
39.	Huỳnh Thị Thúy Loan, effects of acid glutamic and lighting on gaba content in germinated brown rice" Journal of advanced research in food science and nutrition, Journal of advanced research in food science and nutrition, ISSN 2582-3892, volume3, issue 1, 2020, 31-33	
40.	Huỳnh Thị Thúy Loan, khảo sát ảnh hưởng của axit glutamic và ánh sáng đến quá trình nảy mầm gạo lứt đã xay xát tăng hàm lượng gaba, Hội nghị cấp trường	

41.	Huỳnh Thị Thúy Loan, trích ly đường cỏ ngọt sử dụng thay thế đường saccharose cho sản phẩm bánh cookies, Hội nghị cấp trường	
42.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Tăng hiệu suất thu hồi dịch thanh long bằng phương pháp lạnh đông kết hợp phương pháp ly tâm, Hội nghị cấp trường	
43.	Võ Thị Diễm Kiều, Ảnh hưởng của quá trình trần và sấy đến chất lượng của ớt chỉ thiên, Tạp chí Công thương 0866-7756 số 13-2019	
44.	Trương Tấn Trung, Theoretical and experimental study of the vibrational spectrum of phenol based on the density functional, International journal of advanced engineering and management research, ISSN: 2456-3676, vol. 5, No. 02, 02/2020, page 77-85	
45.	Trương Tấn Trung, Molecular structure, vibrational spectra, aim, nbo, mep, and homo-lumo analysis of benzoic acid monomer/dimer by density functional theory, Hội nghị cấp trường	
46.	Trương Tấn Trung, Trends in geometry, stability, intermolecular interaction, cooperativity in complexes of dimethyl sulfide with three water molecules, AGU International Journal of Sciences, ISSN: 0866-8086, 2020, Vol. 8 (1), 97 – 105	
47.	Nguyễn Thị Ngân, Quality characteristics of dried queen pineapple by cold air drying combined with ultrasound pretreatment process, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol. 4, Iss. 1	
48.	Võ Thị Diễm Kiều, The effect of blanching and drying process to the quality of Capsicum Frutescens L., American journal of engineering research, 2320-0847, Vol. 10, Iss. 1	
49.	Nguyễn Thị Ngân, Investigating soaking, germination and drying conditions to enhance Gaba (γ-aminobutyric acid) content in germinated soybean (Glycine max L.) powder, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol. 4, Iss. 1	
50.	Nguyễn Hồng Ánh, Exploration of the optimum rice husk biochar for atrazine and 2,4-D removal: different pyrolysis and modification conditions, Geoscience engineering, 0474-8476 (hard copy), 1802-5420 (online), Vol. 66, Iss. 4	
51.	Lê Phan Quang Huy, Application of aquatic plants to treat water eutrophication: problems and challenges, International research Journal of modernization in engineering technology and science, 2582-5208, Vol 3, iss6, June 2021	
52.	Võ Thị Diễm Kiều, Effect of Alum and Blanching time on the Naringin and hardness of grapefruit peel waste, Journal of advanced research in food science and nutrition, 2582-3892, Vol.4, Iss.1,30/6/2021	
53.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Organic food consumption: Attitudes and orientations towards healthiness nowadays, EPRA International Journal of Socio-Economic and Environmental Outlook (SEEO), ISSN: 2348-4101 (Online), 44378	
54.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Situation and proposed solutions to control in the use of food additives on the basis of the law in Vietnam, International Research Journal of Modernization In Engineering Technology And Science, ISSN: 2582-5208 (Online), 44378	
55.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Influence of the extraction process on the chlorophyll content of rice grass, Hội nghị Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology-AAAC16, ISSN: 2288-6060, 2020	
56.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Production of dragon juice with the addition of snow fungus, Hội nghị Advanced and Applied Convergence & Advanced Culture Technology-AAAC16, ISSN: 2288-6060, 2020	

57.	Nguyễn Thị Lê Phương, Studying Nata de coco processing from sugarcane juice, Hội nghị Hội nghị Advanced and Applied Convergence-AAACL17 - 7th International Joint Conference on Convergence, IJCC 2021 in conjunction with ICAI 2021, ISSN: 2288-6060, 2021	
58.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Investigating factors affect the citronella essential oil extraction, Hội nghị Advanced and Applied Convergence-AAACL17 - 7th International Joint Conference on Convergence, IJCC 2021 in conjunction with ICAI 2021, ISSN: 2288-6060, 2021	
59.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Enhancing the extracted juice yield and reducing loss vitamin C of dragon fruit juice by combined freezing and centrifugal methods, Hội nghị Proceedings of the international conference on science, technology and society studies (STS) 2020, ISBN: 978-604-67-1574-0, 2020	
60.	Đông Thị Thu Huyền, Áp dụng khung sinh kế bền vững để đánh giá sinh kế cho người dân nông thôn huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN: 2588-1078, Công bố 10/11/2020	
61.	Đông Thị Thu Huyền, Đề xuất bộ tiêu chí phát triển mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý chất thải phù hợp với các điều kiện tự nhiên đặc thù tại vùng nông thôn đồng bằng sông cửu long, Tạp chí Môi trường, ISSN: 2615-9597, Công bố 03/2021	
62.	Võ Thị Diễm Kiều, Ảnh hưởng của một số yếu tố đến hiệu quả của quá trình thủy phân lá dứa bằng enzym cellulase, ISSN: 0866-7756 (print), Công bố: Số 21, tháng 8/2020	
63.	Trần Thanh Đại, Tổng hợp Nano kẽm Oxit kháng nấm Phytophthora capsici, Hội nghị cấp Trường, 2021	
64.	Nguyễn Thị Ngân, Nhận thức về bảo hộ thông tin sáng chế và các giải pháp đẩy mạnh các sáng chế tại Đại học Công nghệ Đồng Nai, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
65.	Nguyễn Thị Ngân, Nhận thức về bệnh suy giãn tĩnh mạch mạn tính chi dưới ở giảng viên giảng dạy tại Đại học Công nghệ Đồng Nai: Các giải pháp phòng ngừa và điều trị, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
66.	Nguyễn Thị Ngân, Nâng cao hiệu suất trích ly Dâu tằm (Morus Alba) bằng phương pháp kết hợp chế phẩm Enzyme Pectinase và sóng siêu âm, Hội nghị cấp Trường, 2021	
67.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Các yếu tố ảnh hưởng đến mứt dứa bổ sung đường Stevia (cỏ ngọt), Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
68.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Thực trạng vi phạm bản quyền mẫu mã bao gói và tính cấp thiết đăng ký sở hữu trí tuệ nhãn hiệu, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
69.	Hồ Thị Ngọc Nhung, Nghiên cứu trích ly pectin từ vỏ bưởi, Hội nghị cấp Trường, 2021	
70.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất xoài sấy dẻo có bổ sung đường sorbitol và treha, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
71.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Vai trò của chỉ dẫn địa lý - sở hữu trí tuệ trong thời kỳ Việt Nam mở cửa hội nhập kinh tế thế giới, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
72.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Tối ưu hóa quy trình trích dịch thanh long - ngân nhĩ, Hội nghị cấp Trường, 2021	

73.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Nghiên cứu quy trình chế biến thạch dừa nước mía, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
74.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Bệnh nghề nghiệp trong nhà máy thủy sản khu vực Đông Nam Bộ trong những năm gần đây, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
75.	Nguyễn Thị Lệ Phương, Tận dụng phôi ngô sản xuất dầu ngô, Hội nghị cấp Trường, 2021	
76.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Ứng dụng trích ly đường cỏ ngọt sử dụng thay thế đường Saccharose cho sản phẩm bánh Cookies, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
77.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến tăng Gaba trong gạo lứt, Hội thảo cấp quốc gia, ISSN: 0866-7705, 2020	
78.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Sở hữu trí tuệ và bản quyền các bài giảng quay studio, nghiên cứu khoa học cấp trường và chuyển giao công nghệ được lưu trữ tại thư viện số, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
79.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Sở hữu trí tuệ và bản quyền các bài giảng trong quá trình giảng dạy trên môi trường số hậu Covid-19, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
80.	Huỳnh Thị Thúy Loan, Trích ly tinh dầu sả và kiểm tra khả năng kháng khuẩn của tinh dầu, Hội nghị cấp Trường, 2021	
81.	Lê Phan Quang Huy, Đánh giá diễn biến chất lượng nước hồ sông mây và phân tích tác động, Hội nghị cấp Trường, 2021	
82.	Nguyễn Hồng Ánh, Phương pháp giảng dạy cải tiến giúp sinh viên học tập chủ động và trải nghiệm, đạt các chuẩn đầu ra theo CDIO, Hội thảo cấp Trường, 2021	
83.	Đông Thị Thu Huyền, Cải thiện môi trường làm việc và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Hội thảo cấp quốc gia, 2021	
84.	Đông Thị Thu Huyền, Phát triển kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên và một số vấn đề đặt ra về môi trường cần quan tâm, Hội thảo cấp quốc gia, 2020	
85.	Trương Tấn Trung, Làm thế nào để cải thiện kỹ năng viết và công bố công trình khoa học? Bài học kinh nghiệm và đề xuất, Hội thảo cấp trường, 2021	
86.	Trương Tấn Trung, Giải quyết vấn đề về giấc ngủ nhằm cải thiện sức khỏe và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động trong Doanh nghiệp hiện nay, Hội thảo quốc gia, 2021	
87.	Trương Tấn Trung, Geometry, vibrational, NBO, MEP and HOMO-LUMO analysis of tetrahydrofuran (THF) based on DFT calculations, Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm, 0866-8132, Tập 21-Số 2 (6/2021)	
88.	Trương Tấn Trung, DFT calculations of Nitrophenyl psoralen: A new inhibiting compound as part of treatment could become available to reduce the paralysis induced by Botulinum, International Journal of progressive sciences and technologies, 2509-0119, Vol. 25, No. 2	
89.	Trương Tấn Trung, Prevalence of Toxocara spp. Infection: investigate from the Thong Nhat Dong Nai general Hospital from 2019 to 2020, American journal of sciences and engineering research, 2348-703X, Vol. 4, Iss. 1	

90.	Võ Thị Diễm Kiều, Optimization of the Parameters of Cashew Pulp Purée Hydrolysis using Pectinase for Increasing Antioxidant Activity by Response Surface Methodology (RSM), Journal of Advanced Research in Food Science and Nutrition, Tạp chí quốc tế, ISSN-Online: 2582-3892, Volume 4, Issue 2 - 2021, Pg. No. 9-14	
91.	Hồ Thị Ngọc Nhung, CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH TRÍCH LY PROTEIN TỪ ĐẬU GÀ (Chickpeas), Hội nghị KHSV 2022, Kỷ yếu trong nước, Ngày công bố: tháng 05/2022	
92.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, ứng dụng enzyme protamex (serine protease) trong quá trình thủy phân thịt heo, kỷ yếu hội thảo quốc gia ứng dụng công nghệ sinh học trong chế biến, bảo quản và phát triển thực phẩm bảo vệ sức khỏe con người, ISBN: 978-604-82-6090-3, Ngày công bố: 11/2021	
93.	Nguyễn Thị Thùy Duyên, Nghiên cứu quy trình sản xuất rau cô đặc, Hội nghị KHSV 2022, Kỷ yếu trong nước, Ngày công bố: tháng 05/2022	
94.	Lê Phan Quang Huy, Optimization for the production of highly active cellulase enzyme from trichoderma reesei (t.reesei) using semi-solid fermentation, international research journal of modernization in engineering technology and science, Tạp chí quốc tế ISSN: 2582-5208 (Online), Published: June-2022	
95.	Trần Văn Khánh, Nghiên cứu tối ưu hóa quá trình siêu âm dịch quả Bình bát dây, Hội nghị KHSV 2022, Ngày công bố: tháng 05/2022	
96.	Đông Thị Thu Huyền, Đánh giá tình hình sử dụng điện năng trong khu công nghiệp Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai và đề xuất sử dụng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2025, Tạp chí Phát triển khoa học và Công nghệ - Khoa học trái đất và môi trường, Tạp chí HDGSNN, ISSN: 2588:1078, Ngày công bố: 31/5/2022	
97.	Đông Thị Thu Huyền, Tích hợp giải pháp sinh học và ủ phân trong xử lý nước thải và bùn thải của hệ thống nuôi cá tra thương phẩm tại huyện Hồng Ngự - Tỉnh Đồng Tháp, Tạp chí môi trường, Tạp chí HDGSNN, ISSN: 2615-9597(Print), Ngày công bố: 28/10/2022, chuyên IV 2022	
98.	Trương Tấn Trung, Biogenic one-step synthesis of silver nanoparticles using Quisqualis indica linn flower extract: Characterization, molecular docking, and DFT studies, Inorganic Chemistry Communications, ISSN: 1387-7003 (Print); 1879-0259 (Online), SCIE, Publisher: ELSEVIER	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

2.4. Hợp tác quốc tế

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Khoa Công nghệ luôn chú trọng vào hoạt động hợp tác quốc tế thông qua chương trình thực tập dạng kỹ sư với thời gian từ 6 tháng – 1 năm tại Nhật Bản cho sinh viên. Chương trình này mang lại cơ hội cho sinh viên tiếp xúc với môi trường làm việc chất lượng cao, nâng cao kỹ năng chuyên môn và giao tiếp quốc tế. Sinh viên được đào tạo và làm việc tại các công ty hàng đầu, áp dụng kiến thức học tập vào thực tế. Đồng thời, trải nghiệm văn hóa Nhật Bản giúp sinh viên phát triển tư duy đa văn hóa và kỹ năng làm việc toàn cầu. Chương trình thực tập nước ngoài không chỉ mở rộng tầm nhìn của sinh viên mà còn đóng góp vào mối quan hệ hợp tác quốc tế của khoa, tạo cơ hội cho sự trao đổi kiến thức và kinh nghiệm giữa Khoa Công nghệ và các doanh nghiệp trên thế giới.

2.5. Hợp tác doanh nghiệp

Đến tháng 11-2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã duy trì và triển khai hoạt động kết nối doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, đồng thời mời các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn kiểm định các chương trình đào tạo. Trong năm học 2022 – 2023 đảm bảo 100% cho tất các sinh viên đi kiến tập, thực tập đáp ứng đúng tiến độ đào tạo của Nhà trường. Nhà trường hợp tác với hơn 600 doanh nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp với khách mời là những doanh nhân thành công, phối hợp với doanh nghiệp huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên tham gia. Từ năm học 2018 -2019, Nhà trường đã thí điểm tăng cường thêm thời gian thực tập thực tế ngoài doanh nghiệp chưa tính thời gian thực tập cuối khóa cụ thể: khối ngành Công nghệ tăng thêm 3

tháng; khối ngành Kinh tế, Quản trị tăng thêm 2 tháng, giúp người học tìm hiểu sâu hơn về ngành nghề đang theo học, tích lũy các kinh nghiệm và kiến thức thực tế, để sau khi tốt nghiệp cơ hội có việc làm cao hơn. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức 46 hội thảo cơ hội việc làm, nhận được 206.000.000 VNĐ tài trợ từ phía doanh nghiệp một phần đó trích ra làm quỹ học bổng cho sinh viên còn lại để tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là 95% (đợt khảo sát tháng 11/2022). Ngoài việc duy trì kết nối với các doanh nghiệp đã có, còn mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam lớn nhằm nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Một số doanh nghiệp mà Khoa Công nghệ hợp tác:

- Công ty TNHH Bình Tiên Đồng Nai (Dona Bitis)
- Công ty TNHH Pousung
- Công ty CP Chăn nuôi CP Việt Nam
- Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Cao su Đồng Nai
- Công ty TNHH Bibica
- Công ty Cao Su Chính Tân
- Công ty TNHH MTV Thế Linh
- Công ty CPHH VEDAN Việt Nam
- Công ty TNHH Saitex International
- Công ty Chế Biến Xnk Nông Sản Thực Phẩm Đồng Nai (Donafoods)
- Công ty Đường Biên Hòa
- Công ty TNHH Pousung Việt Nam
- Công ty TNHH Công Nghiệp Cao Su Chính Tân
- Công ty TNHH Polytex Far Eastern
- Công ty TNHH Sailun Việt Nam

3. Chương trình đào tạo

3.1. Xây dựng CTĐT

Chương trình đào tạo gồm 126 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức đại cương là 49 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 59 tín chỉ, Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp

18 tín chỉ, đào tạo trong vòng < 4 năm. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) trình độ đại học được xây dựng căn cứ theo:

- Luật 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội về việc ban hành Luật giáo dục đại học và Luật 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 260/QĐ-ĐHCNĐN ngày 23/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

- Quyết định số 335/QĐ-ĐHCNĐN ngày 10/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo các chương trình của các trường Đại học trong và ngoài nước (liệt kê các trường đối sánh):

+ Đại học ngoài nước: University of Reading, Liverpool John Moores University

+ Đại học trong nước: Trường Đại học Văn Lang và Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Thẩm định CTĐT:

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2023.

3.3. Điều kiện tuyển sinh, Dự kiến tuyển sinh trong 5 năm đầu, địa điểm đào tạo:

Điều kiện tuyển sinh : Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo, tuyển theo các tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B08 (Toán, Sinh, Anh); D07 (Toán, Hóa, Anh). Vùng tuyển sinh cả nước.

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: Ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) dự kiến tuyển sinh là 50 sinh viên trong năm đầu tiên, 70 sinh viên ở năm thứ hai, 100 sinh viên ở năm thứ ba

Địa điểm đào tạo: Ngành sẽ đào tạo tại: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Khu phố 5, đường Nguyễn Khuyến, Phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức	
Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, và thực hiện các công việc liên quan đến nghề nghiệp.	PI 1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên (<i>toán, hóa, sinh</i>) để hình thành năng lực học tập suốt đời và giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành.
	PI 1.2. Vận dụng kiến thức khoa học xã hội (<i>Triết học, môi trường – con người</i>) để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành.
	PI 1.3. Ứng dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng để giải quyết các vấn đề chuyên môn của ngành.
PLO2: Áp dụng kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực mỹ phẩm.	PI 2.1. Áp dụng các kiến thức hóa sinh học (tế bào, di truyền, hóa sinh, sinh lý, vi sinh vật học, ...) để giải quyết các vấn đề của ngành.
	PI 2.2. Áp dụng các kiến thức hóa học (vô cơ, hữu cơ, phân tích, ...) để phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề của ngành.
	PI 2.3. Áp dụng các kiến thức dược học (dược liệu, độc chất, ...) để phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề của ngành.
PLO3: Thành thạo các kỹ thuật phân tích trong hoạt động sản xuất mỹ phẩm	PI 3.1. Phân tích chất lượng nguyên liệu phù hợp cho quá trình chiết xuất nguyên liệu mỹ phẩm.
	PI 3.2. Đánh giá các quy trình sản xuất, chiết xuất nguyên liệu mỹ phẩm.
PLO4: Đánh giá để cải tiến chất lượng sản phẩm trong	PI 4.1. Phân tích các thành phần nguyên liệu có hoạt tính mong muốn để tạo ra công thức mỹ phẩm

ngành công nghệ thẩm mỹ và các lĩnh vực liên quan	PI 4.2. Thực hiện phối trộn các thành phần nguyên liệu để tạo ra công thức mỹ phẩm
	PI 4.3. Thực hiện các thử nghiệm để cải tiến chất lượng của mỹ phẩm
Kỹ năng	
PLO5: Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm (các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư duy và làm việc độc lập, làm việc nhóm và các kỹ năng tìm kiếm thông tin, tài liệu, công nghệ mới) để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.	PI 5.1. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.
	PI 5.2. Vận dụng (Apply) thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.
	PI 5.3. Vận dụng (Apply) kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.
PLO6: Xây dựng các quy trình quản lý sản xuất và thương mại mỹ phẩm ở quy mô công nghiệp	PI 6.1. Xây dựng quy trình quản lý sản xuất tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thẩm mỹ
	PI 6.2. Tham gia thương mại mỹ phẩm và khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thẩm mỹ
PLO7: Tư vấn các dịch vụ liên quan đến ngành công nghệ thẩm mỹ	PI 7.1. Tư vấn các dịch vụ để thương mại hóa các sản phẩm ngành công nghệ thẩm mỹ
	PI 7.2. Tư vấn quy trình sản xuất trong ngành công nghệ mỹ phẩm
PLO8: Đề xuất các hướng nghiên cứu mới trong ngành công nghệ thẩm mỹ	PI 8.1. Đánh giá các quy trình sản xuất
	PI 8.2. Xử lý các vấn đề kỹ thuật trong sản xuất mỹ phẩm
	PI 8.3. Cải tiến kỹ thuật trong sản xuất mỹ phẩm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9: Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	PI 9.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
	PI 9.2. Hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

3.5. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
1	1	CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	BB
2	1	TM70001	Nhập môn công nghệ thẩm mỹ	1	BB
3	1	TM70002	Công thức và nguyên liệu mỹ phẩm	2	BB
4	1	CB70301	Key English 1	3	BB
5	1	CB70302	Key English 2	3	BB
6	1	CB70303	Key English 3	3	BB
7	1	CB70304	English Speaking Community	2	BB
8	2	CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	BB
9	2	TA70305	Intensive English 1	4	BB
10	2	CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	BB
11	2	CB70301	Tin học 1	2	BB
12	2	HH70003	Hóa học đại cương	2	BB
13	2	TM70003	Sinh lý người	2	BB
14	2	TM70004	Sinh hóa	2	BB
15	2	TM70005	Sinh học đại cương	2	BB
16	2	TM70006	Dược liệu học	2	BB
17	3	CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	BB
18	3	CB70106	Pháp luật đại cương	2	BB
19	3	TA70306	Intensive English 2	4	BB
20	3	CB70305	KN giao tiếp & xây dựng mối quan hệ	2	BB
21	3	CB70302	Tin học 2	2	BB
22	3	HH70004	Thực hành hóa đại cương	1	BB
23	3	CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	TC

TT	Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
24	3	CB71102	Tâm lý học hành vi	2	TC
25	3	CB71103	Tâm lý học Y đức	2	TC
26	3	TM70015	Khoa học về da	2	BB
27	3	HH70029	Hóa hữu cơ	2	BB
28	3	TM70008	Thực hành sinh học đại cương	1	BB
29	3	TM70004	Thực hành công thức và nguyên liệu mỹ phẩm	2	BB
30	3	CB71401	GDTC 1 - Bơi	1	BB
31	4	CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB
32	4	TA70307	Intensive English 3	4	BB
33	4	CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn công nghiệp	2	BB
34	4	CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	TC
35	4	CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	TC
36	4	CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	TC
37	4	TM700010	Vi sinh ký sinh trùng	2	BB
38	4	TM70011	Khoa học về nữ hóa	2	BB
39	4	TM70012	Hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học	2	BB
40	4	TM70013	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	2	BB
41	4	TM71006	Sinh học phân tử	2	TC
42	4		GDTC 2	1	BB
43	5	CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB
44	5	CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	BB
45	5	TA70308	Intensive English 4	4	BB

TT	Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
46	5	TM70015	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	2	BB
47	5	TM70016	Kỹ thuật ứng dụng mỹ phẩm cơ bản trong chăm sóc thẩm mỹ	2	BB
48	5	CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	BB
49	5	TM71001	Độc chất học trong mỹ phẩm	2	TC
50	5	TM71002	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc	2	TC
51	5	TM70014	Miễn dịch học	2	BB
52	5	TM71007	Sở hữu trí tuệ	2	TC
53	5	TM71008	Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt Mỹ phẩm	2	TC
54	5	HH70018	Công nghệ hóa hương liệu	2	TC
55	5	HH70022	Các phương pháp phân lập và tinh chế	2	TC
56	6	TM70017	Thực hành kỹ thuật chiết xuất dược liệu	1	BB
57	6	TM70018	Công nghệ sản xuất mỹ phẩm	2	BB
58	6	TM70019	Kỹ thuật ứng dụng mỹ phẩm nâng cao trong chăm sóc thẩm mỹ	2	BB
59	6	TM70020	Nghiên cứu và phát triển mỹ phẩm	2	BB
60	6	TM70021	Thử nghiệm mỹ phẩm	2	BB
61	6	TM70022	Thực hành kiểm nghiệm mỹ phẩm	1	BB
62	6	TM70023	Phân phối hoạt chất tự nhiên qua da	2	BB
63	6	TM70024	Thực hành thử nghiệm mỹ phẩm	2	BB
64	6	TM71003	Công nghệ nano trong mỹ phẩm	2	TC

TT	Học kì	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
65	6	TM71004	Công nghệ tế bào gốc trong mỹ phẩm	2	TC
66	6	TM71005	Da liễu thẩm mỹ	2	TC
67	6	HH70024	Phương pháp phân tích hiện đại	2	TC
68	6	HH71008	Công nghệ dược	3	TC
69	6	HH71009	Chế biến dầu và chất béo	3	TC
70	6	HH71010	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	3	TC
71	6	HH71013	Dược chất thiên nhiên	2	TC
72	6	HH71017	Mỹ phẩm thiên nhiên	2	TC
73	6	HH71018	Kiểm nghiệm dược và thực phẩm	2	TC
74	7	TM70025	Thực tập tốt nghiệp	8	BB
75	8	TM70026	Khóa luận tốt nghiệp	10	BB
76	8	TM70027	Công nghệ thẩm mỹ	5	TC
77	8	TM70028	Thương mại hóa sản phẩm mỹ phẩm	5	TC

4. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và đào tạo:

Đề án đã được Hội đồng khoa học và đào tạo trường thông qua (Biên bản kèm theo tại phụ lục của đề án)

5. Kế hoạch mua sắm Trang thiết bị, Giáo trình từ năm thứ 3 của ngành

❖ Kế hoạch mua sắm trang thiết bị:

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Học phần	Kế hoạch trang bị	Ghi chú
1	Phòng thí nghiệm Hóa						
1.1	Máy đo PH cầm tay	Mỹ hoặc Nhật Bản, 2023	5	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	4/2024	
1.2	Cân phân tích 4 số lẻ	Mỹ hoặc Trung Quốc, 2023	2	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	4/2024	
1.3	Bình hút ảm, vĩ Inox 150mm 2,4 lít	Duran - Đức, 2023	1	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.4	Cân kỹ thuật 2 số lẻ	Hàn Quốc, 2023	2	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.5	Bình nhiệt lượng kế	Việt Nam	1	Cái	Thực hành Hóa học đại cương	6/2024	
1.6	Bếp điện	Daihan-Hàn Quốc, 2023	3	Cái	Thực hành hóa phân tích	6/2024	
1.7	Máy khuấy từ gia nhiệt	IKA – Đức, 2023	2	Cái	Thực hành hóa hữu cơ	6/2024	
1.8	Bể điều nhiệt tuần hoàn	AS ONE	1	Cái	Thực hành hóa hữu cơ	6/2024	
2	Phòng và thiết bị thực hành Vệ sinh lao động						

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Học phần	Kế hoạch trang bị	Ghi chú
2.1	Mô hình khảo sát thiết bị truyền nhiệt vỏ ống	Mỹ, 2024	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.2	Mô hình khảo sát thiết bị chưng	Mỹ, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.3	Mô hình khảo sát thiết bị vận chuyển lưu chất	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.4	Mô hình khảo sát thiết bị sấy	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.5	Mô hình khảo sát quá trình khuấy trộn	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.6	Mô hình khảo sát thiết bị hấp thụ loại đệm	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.7	Mô hình khảo sát trở lực lưu chất	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	
2.8	Mô hình khảo sát thiết bị cô đặc	Việt Nam, 2023	1	Máy	Thực hành quá trình và thiết bị	6/2024	

❖ **Kế hoạch mua sắm giáo trình:**

Với nguồn tài liệu sẵn có và sự hỗ trợ từ phía thư viện của nhà trường nên đã đáp ứng hoàn tất giáo trình học liệu. Ngoài ra, trong quá trình triển khai CTĐT nếu cần cung cấp thêm giáo trình mới Khoa sẽ làm Phiếu bổ sung tài liệu và thư viện trường sẽ hỗ trợ đề xuất mua đáp ứng tùy tình hình thực tế.

6. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, (ĐH)

TT	Năm học	Số lượng Giảng viên		Số lượng Sinh viên	Kế hoạch tuyển dụng / Phát triển
		Toàn thời gian	Cơ hữu/Thỉnh giảng		
1	2024 – 2025	11 (05 TS, 06 ThS)	22 (08 TS, 14 ThS)	50 - 70	

TT	Năm học	Số lượng Giảng viên		Số lượng Sinh viên	Kế hoạch tuyển dụng / Phát triển
		Toàn thời gian	Cơ hữu/Thỉnh giảng		
2	2025 – 2026	11 (05 TS, 06 ThS)	22 (08 TS, 14 ThS)	70 - 100	
3	2026 – 2027	11 (05 TS, 06 ThS)	22 (08 TS, 14 ThS)	100 - 150	
4	2027 - 2028	11 (05 TS, 06 ThS)	22 (08 TS, 14 ThS)	100 - 150	Tuyển dụng thêm: 01 TS, 01 ThS
5	2028 - 2029	11 (05 TS, 06 ThS)	22 (08 TS, 14 ThS)	100 - 150	Tuyển dụng thêm: 02 TS, 01 ThS
6	2029 - 2033	21 (11 TS, 10 ThS)	24 (10 TS, 14 ThS)	500 - 800	Tuyển dụng thêm: 11 TS, 11 ThS

7. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

7.1. Kịch bản rủi ro

- Không tuyển sinh đủ số lượng sinh viên theo kế hoạch năm học.
- Không tuyển đủ số lượng giảng viên phụ trách ngành đào tạo.
- Ngành bị đình chỉ trong quá trình đào tạo.

7.2. Biện pháp phòng ngừa rủi ro

Để phòng ngừa và xử lý các rủi ro nêu trên khi vận hành Chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ), Khoa Công nghệ sẽ thực hiện các giải pháp sau đây:

- Giải pháp thứ nhất: thành lập quỹ hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Quỹ hỗ trợ học tập cho sinh viên sẽ giao cho các học viên tự thành lập Ban quản lý quỹ có sự tư vấn của Lãnh đạo Khoa Công nghệ, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Quỹ kêu gọi sự đóng góp tự nguyện của các học viên, giảng viên và các nguồn tài trợ xã hội hóa khác. Ban quản lý sẽ xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ để làm cơ sở vận hành. Mục đích chính của Quỹ là hỗ trợ cho các sinh viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế để bảo đảm duy trì học tập cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Giải pháp thứ hai: tăng cường tư vấn, hỗ trợ cho người học.

Để thực hiện giải pháp này, ngoài cố vấn học tập, Lãnh đạo Khoa Công nghệ sẽ giao cho mỗi giảng viên tham gia chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thẩm mỹ) phụ trách một tổ sinh viên 10 người để nắm bắt

các tâm tư, nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh của từng sinh viên để có các tư vấn, hỗ trợ kịp thời vừa động viên sinh viên vượt qua các trở ngại, khó khăn, vừa đôn đốc học viên tích cực học tập, hoàn thành tốt nhất chương trình đào tạo. Ngoài ra, hàng tuần, Lãnh đạo Khoa Công nghệ sẽ bố trí lịch tiếp sinh viên để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để giúp học viên yên tâm học tập và hoàn thành tốt khóa học.

- Giải pháp thứ ba: tăng cường phối hợp trong hướng dẫn sinh viên thực khóa luận tốt nghiệp.

Để thực hiện giải pháp này, khi phân công giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, Khoa Công nghệ đề xuất Nhà trường phân công hai giảng viên hướng dẫn, trong đó có một giảng viên hướng dẫn chính và một giảng viên hướng dẫn phụ. Trường hợp giảng viên hướng dẫn chính không thể tiếp tục hướng dẫn sinh viên thì giao cho hướng dẫn phụ trở thành hướng dẫn chính để hướng dẫn sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

- Các giải pháp hỗ trợ khác:

+ Tăng cường việc xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Khoa Công nghệ, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thông qua website, fanpage của Trường, Khoa.

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh, chương trình tuyển sinh hàng năm.

+ Ký biên bản ghi nhớ với các Trường THPT và thực hiện chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh.

+ Xây dựng đội ngũ giảng viên có chất lượng, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động đào tạo, nâng cao uy tín của Khoa, Trường.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành đào tạo mới.

7.3. Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trong trường hợp ngành đào tạo Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) bị đình chỉ hoạt động, các giải pháp cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan như sau:

TT	Đối tượng	Giải pháp
----	-----------	-----------

1	Người học (sinh viên)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án 1: Người học được đảm bảo tổ chức hoàn thành CTĐT đang học hoặc liên hệ chuyển đến cơ sở đào tạo khác có ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm). - Phương án 2: Người học được xem xét chuyển ngành đào tạo (điều kiện trúng tuyển tương đương) theo quy định của Trường.
2	Giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án 1: Sắp xếp Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần phù hợp chuyên môn ở các ngành khác trong Trường. - Phương án 2: Sắp xếp công việc, thỏa thuận với Giảng viên theo quy định của Bộ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động,...
3	Cơ sở đào tạo và các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các nội dung chưa phù hợp, tiến hành phân tích, đánh giá và thực hiện các giải pháp (theo từng trường hợp) để được cho phép hoạt động ngành trở lại.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ website: <https://dntu.edu.vn>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin sinh viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm); với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Công nghệ sinh học (chuyên ngành Công nghệ thực phẩm) trình độ đại học - mã ngành 7420201 kể từ năm 2024

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã gửi)

TRƯỞNG KHOA

(Đã gửi)

TS. Nguyễn Thúy Lan Chi

ThS. Nguyễn Thành Công

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HĐT (để báo cáo);
- BGH (để theo dõi và chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: P.ĐH, P.TCHC, Khoa Công nghệ

Số: 506/QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công chủ trì ngành Công nghệ sinh học
trình độ Đại học – mã số: 7420201

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 01 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đại học và Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công TS. Nguyễn Huy Nam, chuyên môn: Sinh học, làm chủ trì ngành Công nghệ sinh học trình độ Đại học – mã số: 7420201.

Điều 2. TS. Nguyễn Huy Nam có nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, và tham gia các hoạt động chuyên môn thuộc chương trình đào tạo được phân công chủ trì.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và TS. Nguyễn Huy Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: P. TC-HC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thúy Lan Chi